

Số: 1137/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 05 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 03 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, phường, thị trấn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 97/TTr-SLĐTBXH ngày 22/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 03 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 1266/QĐ-LĐTBXH ngày 28/9/2016; 1603/QĐ-LĐTBXH ngày 12/11/2018; 1734/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- UBND xã (UBND cấp huyện sao gửi);
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành



PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1137/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
Thủ tục công bố tại Quyết định số 1266/QĐ-LĐTBXH ngày 28/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội					
01	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	Trong thời hạn 10 ngày làm việc.	Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Không	- Căn cứ Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ; - Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
Thủ tục công bố tại Quyết định số 1603/QĐ-LĐTBXH ngày 21/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội					
02	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	Trong thời hạn 07 ngày làm việc.	Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Không	Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
II. Lĩnh vực Người có công					
Thủ tục công bố tại Quyết định số 1734/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội					
03	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	01 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một của UBND cấp xã	Không	- Nghị định số: 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Thông tư số: 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - TB và XH hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.